

3. Chị Đàm Thị H, sinh năm 1987;

4. Anh Đàm Văn H1, sinh năm 1989;

Cùng nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội. Điều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, người khởi kiện trình bày như sau:*

Về nguồn gốc đất: Từ trước những năm 1990, do nhu cầu củng cố, bồi đắp đê sông H, các khu đất gần chân đê của các địa phương đã được sử dụng vào việc đào lấy đất để đắp đê. Việc lấy đất đắp đê để lại những thung sâu xen kẽ nhau, trũng thấp, không thể canh tác. Khu đất nay gia đình ông đang sử dụng thuộc diện đất hoang hoá, không có người sử dụng, giao không ai nhận vì không canh tác được. Trước tình hình địa phương cần ngân sách cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn đổi mới, chính quyền địa phương, Đảng uỷ các cấp đã họp và thống nhất thông qua Nghị quyết hội nghị UBND xã T ngày 30/01/1996, Nghị quyết hội nghị thôn ngày 8/02/1996 và Hội nghị của UBND xã T, Hợp tác xã N2 ngày 09/02/1996. Sau nhiều ngày thông tin trên loa phát thanh của xã đã hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng uỷ, Hội đồng Nhân dân xã T, chung tay góp sức phát triển kinh tế của địa phương, ông Đàm Văn N đã đăng ký thuê đất nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình, đóng góp vào ngân sách của địa phương. Thời điểm đó, để nhân dân yên tâm đầu tư ổn định lâu dài, tại Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân, cấp uỷ đã quyết định cho thuê các diện tích đất khu A, thôn Đ, xã T, M, Hà Nội với thời hạn là 20 năm (1996-2016) và nộp tiền 01 lần cho thời hạn sử dụng. Năm 2003 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã đầu tư vốn, công sức, tiền bạc vào canh tác sản xuất, chăn nuôi, đầu tư cải tạo, san lấp mặt bằng để có thể sản xuất, trồng cây ăn quả, chăn nuôi, xây dựng nhà, tường rào để tiện bảo vệ, trông coi tài sản. Chi phí đầu tư mỗi mẫu đất được ước tính khoảng 01 tỷ đồng (tính theo giá trị năm 1996). Trong quá trình sử dụng, xây dựng các công trình trên đất, không bị các cá nhân, tổ chức xử lý vi phạm sử dụng đất, gia đình vẫn kê khai nộp thuế sử dụng đất hàng năm trong quá trình sử dụng. Gia đình đã được UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02280 QSDĐ/2166/QĐ-UB vào ngày 15/12/2003 với tổng diện tích 2.195m² thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 4 tại Thôn Đ, xã T, M, Vĩnh Phúc (nay là thành phố Hà Nội) theo bản đồ quản lý đất đai năm 2005.

Xây dựng các tài sản sau.

- Nhà ở 1: Xây dựng bằng gạch chỉ, vữa xi măng cát, tường 110mm + 220mm, kèo và xà gồ bằng sắt hộp, mái lợp tôn xộp, ½ trần bằng nhựa, ½ nền lát gạch đỏ, ½ nền lát gạch men. Diện tích: dài 15,5m x rộng 5,8m x cao 4m;

- Mái vẩy: Dựng 02 cột bê tông, kích thước (15x20) cm, kèo và xà gồ bằng sắt hộp, mái lợp tôn xộp, nền lát gạch chỉ. Diện tích: dài 5,8m x rộng 5m x cao 3,5m;

- Nhà ở 2: Xây dựng bằng gạch chỉ, vữa xi măng cát, tường 110 mm, bô trụ 330mm, kèo và xà gồ bằng sắt hộp, mái lợp tôn xộp, nền lát gạch men. Diện tích: dài 9m x 5m x cao 4m;

- Mái vẩy: Lắp dựng xà gồ bằng sắt hộp, nền lán xi măng cát. Diện tích: dài 5m x rộng 5m x cao 3,5m;

- Công trình vệ sinh: Xây dựng bằng gạch chỉ, vữa xi măng cát, tường 110mm, ½ mái đổ bê tông cốt thép, ½ mái lợp proximang, nền lát gạch men. Diện tích: dài 5m x rộng 2,5m x cao 2,5m;

- Cổng: Cánh cổng bằng sắt 27, hàn lưới sắt B40, kích thước: dài 4m x cao 3m;

- Giếng khoan: 01 giếng;

- 01 cánh cổng hàn bằng tuýt sắt 27, kích thước: rộng 2,5m x cao 1,8m;

- Hàng rào: Xung quanh thửa đất có các trụ bê tông, kích thước (20x20) cm làm cọc, quây lưới sắt B40 làm hàng rào xung quanh thửa đất;

Cây trồng trên đất:

+ Cây bưởi ăn quả: 191 cây, đường kính từ 10-25cm, cao từ 3-6m;

+ Bưởi giống: 44 cây, đường kính 2-5cm, cao 1-2m;

+ Cây khế giống: 37 cây, đường kính 2-5cm, cao 1-1,5m;

+ Cây cau: 09 cây, đường kính từ 5-15cm;

+ Cây nhãn: 04 cây, đường kính từ 5-10cm, cao 3-5m;

+ Cây ổi: 13 cây, đường kính từ 15cm, cao từ 1-2m c

+ Cây mít: 02 cây, đường kính từ 5-10cm, cao từ 3-5m;

+ Mít giống: 51 cây, đường kính 1-5cm, cao 1-2m; 2

+ Cây sấu: 06 cây, đường kính từ 5-10cm, cao từ 3-5m;

+ Cây bơ: 08 cây, đường kính từ 2-10cm, cao 1-3m;

+ Cây hồng xiêm: 21 cây, đường kính từ 2-5cm;

+ Cây vú sữa: 02 cây, đường kính từ 4-6cm, cao từ 1,5m;

+ Cây táo: 02 cây, đường kính 5cm, cao 2m;

+ Cây soài to: 07 cây, đường kính từ 5-15cm, cao từ 3-5m; 0,5-1,5m;

+ Cây soài giống: 43 cây, đường kính 1-5cm;

+ Cây chanh: 35 cây, đường kính 3-5cm, cao 1,5m.

Đối với các công trình xây dựng, công trình chăn nuôi, khối lượng đất màu gia đình ông phải mua đầu tư để san lấp hố thùng sâu để sản xuất từ những năm 1996-2010-2016, nay ông Chủ tịch UBND huyện M cho rằng gia đình đã có hành vi vi phạm sử dụng đất căn cứ biên bản năm 2020 (thời điểm 2020 đang khai thác, sử dụng công trình xây dựng, chăm bón hoa màu, cây ăn trái đã được trồng từ những năm 1996) trong khi gia đình ông đã đề nghị được gia hạn sử dụng đất, đồng thời không hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại cho gia đình để bàn giao trả đất cho UBND xã T là hành vi vi phạm pháp luật.

Đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật tuyên hủy Quyết định số 218/QĐ-CT ngày 25/4/2022 của Chủ tịch UBND xã T, huyện M về việc giải

quyết khiếu nại; Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện M về việc giải quyết khiếu nại lần hai Quyết định số 1407/QĐ-KPHQ ngày 09/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện M về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 1666/QĐ-CCXP ngày 24/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện M về việc cưỡng chế các công trình xây dựng. Buộc UBND xã T. UBND huyện M thanh toán chi phí đầu tư vào diện tích đất tài sản trên đất đang sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

** Người bị kiện Chủ tịch và UBND huyện M và Chủ tịch và UBND xã T trình bày:*

- Nguồn gốc đất: Khu A cá, thôn Đ là đất công ích do UBND xã T quản lý thuộc tờ bản đồ số 5 và số 6 Bản đồ 299/TTg lập năm 1986.

- Thời hạn thuê đất: Ngày 30/01/1996, HTX N2 Đông cao và UBND xã T hợp bàn thống nhất cho thuê thầu đất từ ngày 30/3/1996 đến ngày 30/3/2016 (20 năm).

- Mục đích: Cho thuê đất để sản xuất nông nghiệp.

Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng đất, một số hộ dân đã tự ý chuyển nhượng đất và sử dụng trái mục đích, xây dựng công trình, tài sản trên đất.

Ngày 15/12/2003, UBND huyện ban hành Quyết định số 2166/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ ông N và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông N. Qua kiểm tra việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N là không đúng. Ngày 27/02/2009, UBND huyện ban hành Quyết định số 2815/QĐ-UBND về thu hồi và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N. Tuy nhiên, các giấy chứng nhận này người dân vẫn đang giữ, chưa có giao dịch và khu đất ao cá này các hộ vẫn đang sử dụng (*Văn bản số 400/VPĐKĐ Đ-CNAML ngày 10/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đ1*).

Thanh lý, chấm dứt hợp đồng:

- Ngày 11/11/2015, UBND xã T ban hành Thông báo số 101/TB-UBND Thông báo về việc chuẩn bị hết hạn hợp đồng thuê đất khu chân đê thôn Đ, xã T, huyện M.

- Ngày 10/01/2017, UBND xã T ban hành Thông báo số 02/TB-UBND Thông báo về việc thanh lý hợp đồng thuê đất khu vực Ao cá chân đê, thôn Đ, xã T.

Về bồi thường, hỗ trợ kinh phí:

- Ngày 01/11/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội ban hành Văn bản số 9249/STNMT-CCQLĐĐ về việc sử dụng đất công ích trên địa bàn huyện, trong đó khẳng định: *“việc các hộ gia đình thuê đất công ích đã đầu tư xây dựng công trình là để phục vụ hoạt động kinh doanh dịch vụ trong thời hạn thuê đất đã được xác định, do đó sau khi hết thời hạn cho thuê đất, UBND xã T không có trách nhiệm phải hỗ trợ tài sản trên đất mà các hộ đã đầu tư xây dựng”*.

Do hợp đồng thuê đất đã chấm dứt từ năm 2016 và không được gia hạn nên ông N không phải đang sử dụng đất cho nên không được bồi thường chi phí đầu tư còn lại vào đất.

Về giải quyết kiến nghị, khiếu nại:

- UBND xã T nhận được đơn đề nghị gia hạn QSDĐ khu Ao cá, thôn Đ, xã T (đơn ghi ngày 05/7/2015) của ông N với nội dung có nguyện vọng được nhà nước giao khu đất để tiếp tục sản xuất kinh doanh.

- Ngày 11/11/2015, UBND xã T ban hành Thông báo số 101/TB-UBND Thông báo về việc chuẩn bị hết hạn hợp đồng thuê đất khu chân đê thôn Đ, xã T, huyện M và gửi đến từng hộ gia đình đang sử dụng đất tại khu A.

- Ngày 06/01/2017, UBND xã T tổ chức hội nghị thanh lý HĐ với các hộ đã hết thời hạn thuê đất khu Ao cá (tuy nhiên, các hộ không đồng ý ký biên bản thanh lý HĐ)

- Ngày 10/01/2017, UBND xã T ban hành Thông báo số 02/TB-UBND Thông báo về việc thanh lý hợp đồng thuê đất khu vực Ao cá chân đê, thôn Đ, xã T.

- Không đồng ý với Thông báo của UBND xã, các hộ dân tiếp tục có đơn khiếu nại gửi UBND xã, UBND huyện. UBND huyện đã báo cáo UBND Thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường xin ý kiến chỉ đạo. Thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố, ngày 01/11/2017 Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội ban hành Văn bản số 9249/STNMT-CCQLĐĐ về việc sử dụng đất công ích trên địa bàn huyện, trong đó khẳng định: *“việc các hộ gia đình thuê đất công ích đã đầu tư xây dựng công trình là để phục vụ hoạt động kinh doanh dịch vụ trong thời hạn thuê đất đã được xác định, do đó sau khi hết thời hạn cho thuê đất, UBND xã T không có trách nhiệm phải hỗ trợ tài sản trên đất mà các hộ đã đầu tư xây dựng”*.

- Trên cơ sở Văn bản số 9249/STNMT-CCQLĐĐ ngày 01/11/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội và chỉ đạo của UBND huyện tại Văn bản số 6572/UBND-TNMT ngày 28/11/2017, ngày 28/6/2018 UBND xã ban hành văn bản số 100/UBND-HC về việc trả lời đơn đề nghị của công dân trong đó khẳng định việc các hộ dân đề nghị gia hạn hợp đồng là không có cơ sở.

- Không đồng ý với các nội dung trả lời của các cấp, các hộ dân tiếp tục khiếu nại Thông báo 04 thu dọn tài sản của UBND xã T. Ngày 25/4/2022, Chủ tịch UBND xã T đã ban hành Quyết định số 218/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại.

Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của UBND xã T, các hộ dân tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện M. Ngày 27/02/2023, Chủ tịch UBND huyện M đã ban hành Quyết định số 946/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần 2).

Chủ tịch và UBND huyện M, Chủ tịch và UBND xã T khẳng định đã ban hành các Quyết định hành chính đối với hộ ông N là đúng quy định pháp luật.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Lương Văn L, bà Nguyễn Thị Đ, Chị Đàm Thị H và Anh Đàm Văn H1 đều nhất trí với lời trình bày của ông Nguyễn Văn N1.*

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 216/2023/HC-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; căn cứ khoản 1 điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đàm Văn N.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/9/2023, người khởi kiện ông Đàm Văn N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm: Người khởi kiện ông Đàm Văn N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người khởi kiện ông Đàm Văn N và người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán - Chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng Dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Một số người liên quan vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ nên xét xử vắng mặt họ.

- Về nội dung vụ án, kháng cáo: Căn cứ Khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; chấp nhận một phần nội dung kháng cáo; sửa Bản án sơ thẩm 216/2023/HC-ST ngày 29/8/2023 của TAND thành phố Hà Nội theo hướng:

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đàm Văn N hủy các Quyết định số 218/QĐ-CT ngày 25/4/2022 của Chủ tịch UBND xã T, huyện M v/v giải quyết khiếu nại (lần 1); Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện M v/v giải quyết khiếu nại (lần 2); Quyết định số 1407/QĐ-KPHQ ngày 09/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện M vv/ buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả ; Quyết định số 1666/QĐ-CCXP ngày 24/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện M v/v cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện buộc UBND huyện, UBND xã phải hỗ trợ, bồi thường chi phí, tài sản trên đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của ông Đàm Văn N nộp trong thời hạn và đúng với quy định tại Điều 205, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2]. Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết là đúng quy định tại khoản 2 Điều 3; Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3]. Về việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Người bị kiện là Chủ tịch, UBND huyện M và Chủ tịch, UBND xã T, huyện M; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 157; Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử vắng mặt họ.

[2]. Xét nội dung đơn kháng cáo của ông Đàm Văn N, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu hủy các Quyết định số 218/QĐ-CT ngày 25/4/2022 của Chủ tịch UBND xã T, huyện M về việc giải quyết khiếu nại; Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện M về việc giải quyết khiếu nại lần hai Quyết định số 1407/QĐ-KPHQ ngày 09/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện M về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 1666/QĐ-CCXP ngày 24/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện M về việc cưỡng chế các công trình xây dựng. Buộc UBND xã T, UBND huyện M thanh toán chi phí đầu tư vào diện tích đất tài sản trên đất đang sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

[2.1]. Xét yêu cầu hủy Quyết định số 1407/QĐ-KPHQ ngày 09/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện M về việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 1666/QĐ-CCXP ngày 24/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện M về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Về thẩm quyền, trình tự: Các quyết định trên của Chủ tịch UBND huyện M ban hành là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Trình tự thủ tục ban hành các quyết định trên là đúng trình tự thủ tục và có căn cứ hoàn toàn phù hợp với quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Điều 33, 34 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Nguồn gốc đất của ông N tại Khu A, thôn Đ là đất công ích do UBND xã T quản lý thuộc tờ bản đồ số 5 và số 6 Bản đồ 299/TTg lập năm 1986. Ngày 30/01/1996, HTX N2 và UBND xã T hợp bàn thống nhất cho thuê đất từ ngày 30/3/1996 đến ngày 30/3/2016 (20 năm). Mục đích: Cho thuê đất để sản xuất nông nghiệp. Diện tích ông N sử dụng là 2.195m² (gồm các thửa 28a = 1.395m², 31a = 565m², 31d = 235m²).

Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng đất, ông N đã tự ý sử dụng trái mục đích, xây dựng công trình, tài sản trên đất gồm nhà ở, nhà chăn nuôi, trồng cây trên đất. Năm 2015 ông N có đơn xin gia hạn thuê đất. Ngày 11/11/2015, UBND xã T ban hành Thông báo số 101/TB-UBND Thông báo về việc chuẩn bị hết hạn

hợp đồng thuê đất khu chân đê thôn Đ, xã T, huyện M. Ngày 10/01/2017, UBND xã T ban hành Thông báo số 02/TB-UBND về việc thanh lý hợp đồng thuê khu vực Ao cá chân đê, thôn Đ, xã T.

Khi hết hạn Hợp đồng thuê đất hộ ông N tại khu A, thôn Đ, xã T mà không được các cấp có thẩm quyền gia hạn là hành vi vi phạm chiếm đất được quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

Do vậy, Chủ tịch UBND huyện M đã ban hành Quyết định số 1407/QĐ-KPHQ ngày 09/3/2023 về việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 1666/QĐ-CCXP ngày 24/3/2023 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng quy định pháp luật.

[2.2]. Xét yêu cầu hủy Quyết định số 218/QĐ-CT ngày 25/4/2022 của Chủ tịch UBND xã T, huyện M về việc giải quyết khiếu nại của ông Đàm Văn N (lần đầu). Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Chủ tịch UBND xã T về việc đình chính quyết định giải quyết khiếu nại số 218/QĐ-CT. Quyết định số 946/QĐ-CT ngày 27/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện M về việc giải quyết khiếu nại của ông Đàm Văn N (lần hai).

Xét về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành: Sau khi nhận đơn khiếu nại của ông N người bị kiện đã tiến hành thụ lý đơn khiếu nại, tiến hành xác minh nội dung khiếu nại. Căn cứ vào kết quả xác minh, Chủ tịch xã U, huyện M và Chủ tịch UBND huyện M ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 18, 27, 28, 29, 31 Luật Khiếu nại năm 2011.

Về nội dung: Sau khi nhận đơn khiếu nại của ông N đối với Thông báo số 04/TB-UBND ngày 06/01/2020 của UBND xã T, Chủ tịch UBND xã T và Chủ tịch UBND huyện M tiến hành thụ lý và đối thoại với ông N, xác minh nguồn gốc đất. Chủ tịch UBND xã T và Chủ tịch UBND huyện M căn cứ nguồn gốc sử dụng đất của hộ ông N, hành vi vi phạm khi sử dụng đất để ban hành quyết định giải quyết khiếu nại đối với ông N là đúng quy định pháp luật.

[2.3]. Xét yêu cầu buộc UBND xã T, UBND huyện M bồi thường chi phí đầu tư vào diện tích đất ông đang sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình sử dụng đất, ông N đã tự ý sử dụng trái mục đích, xây dựng công trình, tài sản trên đất gồm nhà ở, nhà chăn nuôi, trồng cây trên đất. Đã thanh lý hợp đồng thuê đất nên Chủ tịch huyện M, Chủ tịch UBND xã T ban hành các quyết định hành chính đối với ông Đàm Văn N là đúng quy định của pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của ông Đàm Văn N.

[2.4]. Xét các quyết định liên quan là Quyết định số 2166/QĐ-UBND ngày 15/12/2003 của UBND huyện M về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 481698 do UBND huyện M cấp ngày 15/12/2003 cho hộ ông Đàm Văn N. Quyết định số 2815/QĐ-UBND ngày 27/02/2009 của UBND huyện M về việc thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp trái pháp luật cho hộ ông Đàm Văn N; Thông báo số 04/TB-UBND ngày 06/01/2020 của UBND xã T.

Năm 2003, UBND xã T, phòng NN và PTNT đề nghị giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông N. Ngày 15/12/2003, UBND huyện ban hành Quyết định số 2166/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho 29 hộ gia đình trong đó có hộ ông N. Ngày 30/7/2008, UBND huyện có Kết luận số 84/KL-CT về việc thẩm tra việc cấp GCNQSD đất nông nghiệp cho hộ ông N. Trong đó, kết luận việc cấp GCNQSD đất cho hộ ông N, là cá nhân thuê đất nông nghiệp ở thôn Đ, xã T là sai do là đất công ích (đất quỹ II) thuộc UBND xã quản lý nên không thuộc trường hợp được cấp GCNQSD.

Ngày 27/02/2009, UBND huyện ban hành các Quyết định số 2815/QĐ-UBND về thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N là đúng.

[2.5]. Xét yêu cầu buộc UBND xã T, UBND huyện M bồi thường chi phí đầu tư vào diện tích đất ông đang sử dụng theo đúng quy định của pháp luật, thấy:

Nguồn gốc đất: Khu A, thôn Đ là đất công ích do UBND xã T quản lý thuộc tờ bản đồ số 5 và số 6 Bản đồ 299/TTg lập năm 1986. Thời hạn thuê đất: Ngày 30/01/1996, HTX N2 Đông cao và UBND xã T họp bàn thống nhất cho thuê thâu đất từ ngày 30/3/1996 đến ngày 30/3/2016 (20 năm). Mục đích: Cho thuê đất để sản xuất nông nghiệp.

Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng đất, một số hộ dân đã tự ý chuyển nhượng đất và sử dụng trái mục đích, xây dựng công trình, tài sản trên đất.

Ngày 15/12/2003, UBND huyện ban hành Quyết định số 2166/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ ông N và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông N. Qua kiểm tra việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N là không đúng. Ngày 27/02/2009, UBND huyện ban hành Quyết định số 2815/QĐ-UBND về thu hồi và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N.

Nay ông N cho rằng gia đình ông đã chi phí đầu tư vào diện tích đất tài sản trên đất đang sử dụng theo đúng quy định của pháp luật, khi Nhà nước thu hồi đất thì phải bồi thường.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định trong quá trình sử dụng đất, ông N đã tự ý sử dụng trái mục đích, xây dựng công trình, tài sản trên đất gồm nhà ở, nhà chăn nuôi, trồng cây trên đất, đã thanh lý hợp đồng thuê đất nên Chủ tịch huyện M, Chủ tịch UBND xã T ban hành các quyết định hành chính đối với ông Đàm Văn N là đúng quy định của pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của ông Đàm Văn N. Đáng ra phải căn cứ Điều 123, Điều 143 Luật Tổ tụng hành chính đình chỉ đối với yêu cầu này vì đây không phải là tranh chấp hành chính, không liên quan đến các quyết định hành chính bị kiện không thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm lại bác yêu cầu này là chưa phù hợp. Do đó với phần này cần phải sửa lại.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Vì thế, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Đàm Văn N.

[3] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116, Điều 7, Điều 123, Điều 143; khoản 2 Điều 241, 348, 349 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện ông Đàm Văn N.

[2]. Sửa một phần quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 216/2023/HC-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, về phần yêu cầu bồi thường thiệt hại. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm được giữ nguyên. Xử:

[2.1]. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Đàm Văn N về yêu cầu: “Buộc Ủy ban nhân dân xã T, Ủy ban nhân dân huyện M bồi thường chi phí đầu tư tài sản vào diện tích đất ông Đàm Văn N đang sử dụng theo đúng quy định của pháp luật”.

[2.2]. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đàm Văn N về việc hủy các Quyết định số 218/QĐ-CT ngày 25/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện M về việc giải quyết khiếu nại (lần 1); Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện M về việc giải quyết khiếu nại (lần 2); Quyết định số 1407/QĐ-KPHQ ngày 09/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 1666/QĐ-CCXP ngày 24/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Ông Đàm Văn N không phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm. Trả lại ông Đàm Văn N số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0002632 ngày 21 tháng 9 năm 2023 (do ông Nguyễn Văn Q nộp thay) tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ).
- Lưu HSVA, P.HCTP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Việt Hà